

Bản án số: 115/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 31 – 5 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Văn.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm Hoàng T1, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp L, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thanh T, thể hiện:*

Bà T và ông Phạm Hoàng T1 chung sống với nhau vào năm 1993 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Khi về chung sống xảy ra bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau. Từ nguyên nhân trên, bà T xét thấy hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông T1.

Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phạm Huỳnh N, sinh năm 1997. Hiện Huỳnh N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và các vấn đề khác: Bà T xác định không có.

\* Đối với ông Phạm Hoàng T1: Mặc dù đã được thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông T1 không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Huỳnh Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phạm Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Bà T và ông T1 chung sống với nhau vào năm 1993 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Theo bà T, khi về về chung sống xảy ra bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn, mặc dù đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành dẫn đến thường xuyên cự cãi với nhau. Từ nguyên nhân trên, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn với ông T1. Ông T1 không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của Bà T.

Xét yêu cầu của bà T, thấy rằng: Hôn nhân của bà T và ông T1 có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên, bà T yêu cầu xin ly hôn nhưng qua các lần triệu tập hòa giải, xét xử ông T1 đều vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông T1 không có thiện chí hòa giải, hàn gắn; điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của các đương sự đã trầm trọng và không thể hàn gắn trở lại nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T ly hôn với ông T1 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Bà T xác định không có, ông T1 không có ý kiến gì về các nội dung này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Bà T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh T. Cho bà T được ly hôn với ông Phạm Hoàng T1.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011505 ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (bà T đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**